TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 334/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 12 – 2025
"Về tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hứa Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trường Hận

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hưởng

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Tuyết Ngân, là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2025/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 233/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị H, sinh năm: 1992 (xin vắng mặt).

Căn cước công dân số: 0961920017775, cấp ngày 15/4/2022.

Địa chỉ: Ấp 4, xã SĐ, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Ah Võ Văn H1, sinh năm: 1979 (vắng mặt).

Căn cước công dân số: 096079002401, cấp ngày 14/12/2022.

Địa chỉ: Ấp 4, xã SĐ, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 30/9/2025 và biên bản đề nghị vắng mặt ngày 11/11/2025, chị Ngô Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Võ Văn H1 xác lập quan hệ hôn nhân và chung sống vợ chồng vào năm 2006, đến năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã K.B.Đ, huyện T, tỉnh Cà Mau, nay là xã K.B, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục, tập quán và được gia đình hai bên chấp thuận.

Quá trình chung sống, chị H cho rằng vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn gắn bó, thường xuyên gây

rỗ, cải vả, cuộc sống không còn hạnh phúc, từ đó mâu thuẫn kéo dài mà không có cách khắc phục nên chị và anh H1 mỗi người sống một nơi khoảng hơn 01 năm nay. Do đó, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ Văn H1.

- Về con chung: Chị H xác định giữa chị và anh H1 có 02 người con chung là Võ Phát Tr, sinh ngày 03/7/2008 và Võ Bình A, sinh ngày 20/01/2013, hiện cháu Tr đang đi làm thuê ở Bình Dương; cháu A đang sống chung với ông bà ngoại cháu. Khi ly hôn, chị xác định con theo ai thì người đó nuôi, không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị H xác định không có.

- Về nợ chung: Chị H khai rằng giữa chị và anh H1 không có nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

* Trong biên bản ghi nhận ý kiến trình bày ngày 27/10/2025, anh Võ Văn H1 trình bày: Khoảng năm 2007, anh và chị Ngô Thị H tổ chức hỏi cưới và chung sống vợ chồng với nhau nhưng đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã K.B.Đ, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là xã K.B, tỉnh Cà Mau). Quá trình chung sống, anh H1 cho rằng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, gần đây anh đi biển có tham gia uống vài ly rượu với bạn bè thì ở nhà vợ anh nộp đơn xin ly hôn, anh không hay biết.

Về con chung: Anh xác định có 02 con chung là Võ Phát Tr, sinh ngày 03/7/2008, hiện làm công ty ở Bình Dương; Võ Bình A, sinh ngày 20/01/2013, hiện đang ở với anh đi học.

Về tài sản chung: Anh H1 xác định không có, vì ở chung bên vợ.

Về nợ chung: Anh H1 xác định không có.

Nay anh yêu cầu được đoàn tụ với vợ để nuôi con và tạo lập cuộc sống gia đình. Trường hợp vợ anh cương quyết ly hôn thì anh cũng phải chịu chứ không biết tính sao. Nếu con theo anh thì anh nuôi, nếu theo vợ anh thì anh cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Anh Võ Văn H1 vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Về loại việc tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Tranh chấp giữa chị Ngô Thị H và Ah Võ Văn H1 là tranh chấp về ly hôn, nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc vắng mặt của anh Võ Văn H1: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến phiên tòa để tham gia xét xử vụ án, thông qua việc thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng nhưng anh H1 vẫn không có ý kiến phản hồi đồng thời cũng không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh H1 theo quy định. Đối với việc đề nghị

vắng mặt của chị Ngô Thị H, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị Ngô Thị H và anh Võ Văn H1 xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn vào năm 2009 và đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống, do vợ chồng có nhiều điểm bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên cải vã, gây rỗ, dẫn đến tình cảm sức mẻ, không quan tâm, chăm sóc, cảm thông, chia sẻ lẫn nhau. Xét mâu thuẫn thực tế là có nhiều mâu thuẫn, nhận thấy về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong cuộc sống vợ chồng của anh, chị, mỗi người đều có cách sống, cách nghĩ khác nhau. Từ đó, giữa vợ chồng đã nhiều lần cải vã, làm mất lòng tin đối với nhau, mỗi người có cuộc sống và mối quan hệ riêng tư, không quan tâm, giúp đở lẫn nhau. Mặt khác, sau khi xảy ra mâu thuẫn, chị H và anh H1 tự tách ra sống riêng để anh, chị tự dung hoà nhằm hàn gắn tình cảm vợ, chồng nhưng không có hiệu quả. Thời gian này để cho anh, chị có điều kiện thử thách bản thân, suy ngẫm về cuộc sống vợ chồng đã qua nhằm tìm cách tháo gỡ, khắc phục khuyết điểm của mỗi bên để vợ, chồng đoàn tụ nhưng không ai có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn và cũng không quan tâm, thăm hỏi, giúp đỡ lẫn nhau. Bên cạnh đó, chị H cương quyết ly hôn, nếu không được xem xét thì chị cũng không thể quay lại chung sống với anh H1, vì tình cảm không còn và tương lai, hạnh phúc cũng không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H được ly hôn anh H1 là có căn cứ.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu Võ Phát Tr và cháu Võ Bình A tuy đã trên 07 tuổi nhưng Tòa án không hỏi được nguyện vọng của các cháu, vì cháu Tr đi làm thuê ở Bình Dương, cháu A sống chung ông bà ngoại và anh H1 để đi học. Do đó, thấy rằng cháu Tr cũng sắp thành niên, hiện đi làm thuê cùng chị H nên tiếp tục giao cháu Tr cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. đối với cháu A tuy đang sống cùng ông bà ngoại nhưng cũng là sống chung với anh H1 nên tình cảm, tâm lý, sự gắn bó, yêu thương, môi trường sống, sinh hoạt, học tập của cháu đã ổn định. Vì vậy, tiếp tục giao cháu A cho anh H1 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, chị H, anh H1 không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị H và anh H1 xác định không có nên không đề cập xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị H, anh H1 khai rằng giữa chị và anh H1 không có nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị H về việc ly hôn anh Võ Văn H1.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Phát Tr, sinh ngày 03/7/2008 cho chị Ngô Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Võ Bình A, sinh ngày 20/01/2013 cho anh Võ Văn H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H, anh H1 không trực tiếp nuôi con vẫn được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H, anh H1 không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

4. Về tài sản chung: Không có.

5. Về nợ chung: Không có.

6. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị Ngô Thị H phải chịu 300.000đ. Ngày 07 tháng 10 năm 2025, chị H đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số: 1178 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Quyền kháng cáo: Chị Ngô Thị H và anh Võ Văn H1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND xã K.B, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Hứa Minh Hải